|  |
| --- |
| **HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM**    A picture containing logo  Description automatically generated  **TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ**  **HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ**  **NHIỆM KỲ 2022 – 2027**  *(Lưu hành nội bộ)*      **Hà Nội, năm 2023** |

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

Liên hiệp Phụ nữ: LHPN

Kinh tế tập thể: KTTT

Hợp tác xã: HTX

Tổ hợp tác: THT

Mục tiêu quốc gia: MTQG

Chương trình “Mội xã một sản phẩm”: Chương trình OCOP

MỤC LỤC

[**TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ 5**](#_Toc151592633)

[I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HỖ TRỢ PHỤ NỮ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ 5](#_Toc151592634)

[1. Một số khái niệm 5](#_Toc151592635)

[2. Vị trí, vai trò của nhiệm vụ 7](#_Toc151592637)

[II. HỖ TRỢ PHỤ NỮ THAM GIA KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ 7](#_Toc151592638)

[1. Nội dung nhiệm vụ 7](#_Toc151592639)

[2. Điểm mới 7](#_Toc151592640)

[3. Các giải pháp chủ yếu 8](#_Toc151592641)

[3.1. Cấp Trung ương 8](#_Toc151592642)

[3.2. Cấp địa phương 9](#_Toc151592643)

[III. HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO NỮ LÀM CHỦ 11](#_Toc151592644)

[1. Nội dung nhiệm vụ 11](#_Toc151592645)

[2. Điểm mới 11](#_Toc151592646)

[3. Các giải pháp chủ yếu 11](#_Toc151592647)

[3.1. Cấp Trung ương 11](#_Toc151592648)

[3.2. Cấp địa phương 13](#_Toc151592649)

[IV. HỖ TRỢ PHỤ NỮ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG 14](#_Toc151592650)

[1. Nội dung nhiệm vụ 14](#_Toc151592651)

[2. Điểm mới 14](#_Toc151592652)

[3. Các giải pháp chủ yếu 15](#_Toc151592653)

[3.1. Cấp Trung ương 15](#_Toc151592654)

[3.2. Cấp địa phương 15](#_Toc151592655)

[V. HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM CHO PHỤ NỮ 16](#_Toc151592656)

[1. Nội dung nhiệm vụ 16](#_Toc151592657)

[2. Điểm mới 16](#_Toc151592658)

[3. Các giải pháp chủ yếu 16](#_Toc151592659)

[3.1. Cấp Trung ương 16](#_Toc151592660)

[3.2. Cấp địa phương 17](#_Toc151592661)

[VI. HOẠT ĐỘNG PHỤ NỮ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN 18](#_Toc151592662)

[1. Nội dung nhiệm vụ 18](#_Toc151592663)

[2. Điểm mới 18](#_Toc151592664)

[3. Các giải pháp chủ yếu 19](#_Toc151592665)

[3.1. Cấp trung ương 19](#_Toc151592666)

[3.2. Cấp địa phương 20](#_Toc151592667)

[\* Một số giải pháp chung 21](#_Toc151592668)

[DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO 23](#_Toc151592673)

[I. CÁC VĂN BẢN CHUNG 23](#_Toc151592674)

[1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước 23](#_Toc151592675)

[2. Các văn bản của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 24](#_Toc151592676)

[II. CÁC VĂN BẢN THEO CHUYÊN ĐỀ 25](#_Toc151592677)

[1. Công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã 25](#_Toc151592678)

[2. Công tác hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ 30](#_Toc151592681)

[3. Công tác hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững 34](#_Toc151592684)

[4. Công tác hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho phụ nữ 37](#_Toc151592687)

[5. Công tác hỗ trợ phụ nữ thực hiện chiến lược tài chính toàn diện 39](#_Toc151592690)

## TÀI LIỆU NGHIỆP VỤ HỖ TRỢ PHỤ NỮ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

## I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TÁC HỖ TRỢ PHỤ NỮ NÂNG CAO QUYỀN NĂNG KINH TẾ

## 1. Một số khái niệm

## - Quyền năng kinh tế của phụ nữ, nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ

Tuyên bố và cương lĩnh hành động Bắc Kinh năm 1995 đã đưa ra thuật ngữ về nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ: “*Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ là đảm bảo phụ nữ tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực kinh tế bao gồm đất đai, tín dụng, khoa học và công nghệ, đào tạo nghề, thông tin, liên lạc và thị trường, đây là công cụ để thúc đẩy sự tiến bộ và nâng cao quyền năng của phụ nữ và trẻ em gái, nó bao gồm cả việc thông qua nâng cao năng lực của họ để họ được thụ hưởng các lợi ích của việc tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, kể cả nguồn lực quốc tế*”.

Theo Tổ chức Oxfarm, “*Quyền năng kinh tế của phụ nữ - Women economic empowerment*” có được khi phụ nữ được quyền định đoạt và hưởng lợi từ các nguồn lực, tài sản, thu nhập và thời gian của họ và khi họ có khả năng quản lý rủi ro và cải thiện tình trạng kinh tế và điều kiện sống của mình. Có thể tóm lược: *“Quyền năng kinh tế của phụ nữ là năng lực của phụ nữ trong kiểm soát, định đoạt, chi phối các nguồn lực sản xuất*; *tiếp thu, sử dụng các kiến thức, kỹ năng trong phát triển sản xuất;* *phân tích, quản lý, ứng dụng thông tin trong phát triển sản xuất, kinh doanh*; *tham gia, ra quyết định và được thụ hưởng thành quả của quá trình sản xuất, kinh doanh”[[1]](#footnote-1).*

Theo tổ chức Oxfam, “*Nâng cao quyền năng của phụ nữ là một quá trình mà ở đó cuộc sống của người phụ nữ được chuyển từ trạng thái hạn chế về quyền lực do các định kiến giới sang trạng thái mà ở đó họ có quyền bình đẳng với nam giới*”. Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ sẽ đóng góp vào việc nâng cao quyền năng, vai trò, vị thế của phụ nữ nói chung bởi nó nhấn mạnh khả năng phụ nữ được tiếp cận và kiểm soát nguồn lực sản xuất và được công nhận là chủ thể tham gia đầy đủ vào nền kinh tế*[[2]](#footnote-2)*.

**- Chuyển đổi số:** Là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số.

**- Kinh tế số:** Theo Oxford, kinh tế số là “một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số”, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet. Trong nền kinh tế số, các doanh nghiệp sẽ đổi mới quy trình sản xuất, kinh doanh truyền thống sang mô hình theo hệ sinh thái, liên kết từ khâu sản xuất, thương mại đến sử dụng và điều này sẽ làm tăng năng suất, cũng như hiệu quả lao động.

**- Doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ:** Theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.

**- Phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp:** Là cá nhân/nhóm phụ nữ/tổ chức do phụ nữ làm chủ bắt đầu một công việc sản xuất, kinh doanh mới hay thành lập một doanh nghiệp mới tạo việc làm cho bản thân cá nhân/nhóm phụ nữ/tổ chức/người lao động, góp phần phát triển kinh tế và xã hội.

**- Tổ hợp tác:** Theo Luật Hợp tác xã hiện hành (năm 2023): “Tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự nguyện thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm”.

**- Hợp tác xã:** Theo Luật Hợp tác xã hiện hành (năm 2023): “Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ”.

**- Tài chính toàn diện:** Theo Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia: Tài chính toàn diện là việc mọi người dân và doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách thuận tiện, phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, được cung cấp một cách có trách nhiệm và bền vững, trong đó chú trọng đến nhóm người nghèo, người thu nhập thấp, người yếu thế, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ.

# 2. Vị trí, vai trò của nhiệm vụ

Nhiệm vụ Hỗ trợ phụ nữ nâng cao quyền năng kinh tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII. Nhiệm vụ tập trung hỗ trợ phụ nữ thực hiện tốt một trong 3 vai trò giới - vai trò sản xuất - nhằm phát huy tiềm năng của phụ nữ đóng góp cho các mục tiêu phát triển kinh tế của đất nước, đồng thời qua đó nâng cao quyền năng kinh tế, giúp họ tự tin khẳng định vai trò, vị thế của mình đối với gia đình, xã hội.

Thực hiện nhiệm vụ sẽ góp phần thực hiện được Chỉ tiêu 2 do Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đề ra: *“Hằng năm giúp 33.500 hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh. Đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý”.*

Thực hiện tốt nhiệm vụ này sẽ góp phần thực hiện thành công mục tiêu nhiệm vụ 1 *“Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh”* và góp phần thực hiện các nhiệm vụ 2,3 đề ra trong Nghị quyết Đại hội bao gồm công tác giám sát, phản biện, đề xuất cơ chế, chính sách và xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, tham gia xây dựng đảng, xây dựng chính quyền, hội nhập quốc tế; góp phần thực hiện phong trào thi đua “*Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới”* và Cuộc vận động *“Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.*

## II. HỖ TRỢ PHỤ NỮ THAM GIA KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tập thể tiếp cận kinh tế số và chủ động tham gia các nhiệm vụ phát triển kinh tế của địa phương, đất nước; hỗ trợ phụ nữ sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, góp phần thực hiện chương trình quốc gia “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP).

- Chú trọng hỗ trợ thành lập, nâng cao chất lượng hoạt động của hợp tác xã (HTX), tổ hợp tác (THT) do phụ nữ quản lý; tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; hỗ trợ phụ nữ kết nối, tiêu thụ sản phẩm qua các kênh phân phối phù hợp nhu cầu của thị trường. Đề xuất và thực hiện đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”.

### 2. Điểm mới

- HTX phát triển phải theo chiều sâu, gắn với tạo việc làm cho người lao động, gắn với chuyển đổi số; ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến sâu; gắn kết chặt chẽ doanh nghiệp, HTX, THT trong các khâu của chuỗi giá trị.

- Thực hiện Đề án Chính phủ “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”.

- Hoạt động hỗ trợ của Hội được triển khai đồng bộ, tác động theo chuỗi giá trị, đặc biệt quan tâm đến khâu tiêu thụ sản phẩm theo nhu cầu định hướng của thị trường.

- Nâng cao chất lượng hoạt động, thí điểm cho vay vốn, kết nối đầu vào, khoa học công nghệ, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới do Hội hỗ trợ thành lập.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

### *3.1. Cấp Trung ương*

- Đổi mới hoạt động truyền thông, trọng tâm là đa dạng hóa các sản phẩm và phương thức truyền thông về Luật HTX năm 2023, các chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ hỗ trợ HTX theo nhóm đối tượng, các HTX do phụ nữ tham gia quản lý hoạt động hiệu quả. Tuyên truyền, tập huấn cho cán bộ, hội viên, phụ nữ về vai trò, tầm quan trọng của hợp tác xã; vai trò, vị trí của phụ nữ trong việc phát triển kinh tế tập thể.

Các nội dung chính trong tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ tham gia phát triển kinh tế tập thể:

+ Sự cần thiết, vai trò, tầm quan trọng của HTX, lợi ích của HTX: Về kinh tế: Kinh tế hộ gia đình thành viên được nâng cao; góp phần tăng thu nhập cho HTX, cho thành viên HTX và góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế. Về chính trị: Lan tỏa giá trị dân chủ từ HTX; gắn kết giữa người sản xuất với người tiêu dùng, mang lại lợi ích cho số đông; giúp ngày càng nhiều người lao động trở thành người làm chủ; tạo việc làm, tăng thu nhập bền vững và tăng vị thế xã hội cho người lao động; góp phần ổn định chính trị, xã hội ngay tại địa phương. Về văn hóa - xã hội: Góp phần tăng cường sự đoàn kết xã hội thông qua cùng chia sẻ lợi ích; tăng cường tinh thần đoàn kết, hỗ trợ nhau, lan tỏa giá trị trung thực, minh bạch; góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ Lý do Tại sao các cấp Hội LHPN Việt Nam cần hỗ trợ phụ nữ thành lập các HTX: Hỗ trợ phụ nữ thành lập và phát triển Hợp tác xã nhằm góp phần thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế tập thể. Hỗ trợ, phát triển HTX là phương thức hiệu quả giúp phụ nữ phát triển kinh tế, đặc biệt là phụ nữ nghèo, phụ nữ yếu thế. Trong quá trình hỗ trợ phụ nữ phát triển HTX năng lực của đội ngũ cán bộ được nâng cao, cán bộ có cơ hội sâu sát với nhu cầu của phụ nữ, tạo ra các mô hình kinh tế hiệu quả, góp phần nâng cao vị thế của tổ chức Hội.

- Mở rộng hoạt động liên kết phối hợp với Liên minh HTX Việt Nam và các ngành chức năng hỗ trợ xây dựng các mô hình HTX theo chuỗi giá trị, tổng kết đánh giá và nhân rộng mô hình hiệu quả.

- Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị đào tạo của Liên minh HTX, Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ Hội các cấp, hội viên, phụ nữ; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển kinh tế tập thể cho cán bộ Hội các cấp và thành viên các mô hình kinh tế tập thể.

- Hướng dẫn các cấp Hội xây dựng kế hoạch/chương trình/đề án hỗ trợ HTX do phụ nữ quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Vận động, kết nối đồng bộ các nguồn lực từ các chương trình/đề án/dự án liên quan đến đào tạo nghề, tạo việc làm, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ tín dụng… để thành lập và hỗ trợ các HTX/tổ hợp tác phát triển bền vững. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp có uy tín/tổ chức trong và ngoài nước, các doanh nghiệp xã hội để hỗ trợ, đổi mới các mô hình kinh tế tập thể trong phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm. Tăng cường liên kết với các Ngân hàng để hỗ trợ HTX tiếp cận với các nguồn vốn vay có ưu đãi.

- Tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội về Luật HTX sửa đổi; nghiên cứu, đánh giá, nhân rộng mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế tập thể, đảm bảo lồng ghép giới; quan tâm đến phụ nữ khuyết tật, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ sinh sống tại các vùng khó khăn.

- Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình phụ nữ mạnh dạn tích cực tham gia phát triển HTX, THT.

### *3.2. Cấp địa phương*

- Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, chương trình/kế hoạch/đề án phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Vận dụng sáng tạo, lồng ghép các nguồn lực trong triển khai thực hiện, phối hợp với các ban/ngành tại địa phương về hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế tập thể.

- Khai thác các Quỹ hỗ trợ phát triển HTX, vận động nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng bộ nhận diện, chỉ dẫn địa lý, định danh HTX, hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các HTX thí điểm.

- Phối hợp, tổ chức hội chợ, diễn đàn trao đổi, quảng bá sản phẩm của phụ nữ, chủ động tiếp cận thị trường trong nước và quốc tế. Tại các tỉnh/thành, thí điểm xây dựng các cửa hàng giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm an toàn từ các mô hình, các doanh nghiệp nữ do Hội hỗ trợ.

- Căn cứ vào các bước trong quy trình thành lập và phát triển HTX, Hội LHPN các cấp có thể hỗ trợ thành lập HTX theo các bước cơ bản sau:

+ Bước 1: Xây dựng ý tưởng thành lập HTX và tìm sáng lập viên: Rà soát thực trạng và nhu cầu của các THT/TLK/các nhóm sở thích do Hội hỗ trợ thành lập. Dựa trên nhu cầu và khả năng phát triển của các tổ nhóm trên, Hội và Ban quản lý THT/TLK thống nhất dự kiến thành lập HTX cũng như sáng lập viên. Báo cáo, làm việc với cấp ủy, chính quyền địa phương để nhận được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thành lập HTX .

+ Bước 2: Hỗ trợ sáng lập viên nghiên cứu tính khả thi việc thành lập HTX theo các nội dung: Thành viên dự kiến của HTX? HTX sẽ cung cấp sản phẩm, dịch vụ gì? Giá cả? Phương thức cung cấp? Các sản phẩm dịch vụ cung cấp dự kiến trên thị trường hiện nay? Tổ chức sản xuất của HTX? Lợi ích mang lại cho thành viên về lĩnh vực kinh tế? Bộ máy nhân sự dự kiến của HTX? Dự kiến kế hoạch tài chính của HTX? Những vấn đề khó khăn, cơ hội, thách thức trong quá trình vận hành hoạt động HTX?

+ Bước 3: Xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh: Sau khi nghiên cứu tỉnh khả thi nhận thấy việc thành lập HTX phù hợp với nhu cầu, khả năng của các thành viên cũng như sáng lập viên, định hướng phát triển của địa phương, các cấp Hội phối hợp với các ngành hỗ trợ ban sáng lập viên xây dựng kế hoạch kinh doanh.

+ Bước 4: Hội phối hợp với các cơ quan chức năng hỗ trợ sáng lập viên tuyên truyền cho các thành viên tiềm năng về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, bản chất, nguyên tắc hoạt động của HTX, lợi ích khi tham gia HTX, việc vận hành của HTX, dự kiến bộ máy nhân sự... trên cơ sở dự thảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được sáng lập viên xây dựng để các thành viên tiềm năng hiểu và tự nguyện tham gia HTX.

+ Bước 5: Hội phối hợp với các đơn vị chức năng hỗ trợ sáng lập viên thực hiện các hoạt động theo quy định của Luật: Xây dựng dự thảo Điều lệ HTX; chuẩn bị và tiến hành Hội nghị thành lập; đăng ký hợp tác xã.

+ Bước 6: Tổ chức triển khai hoạt động của HTX: Thường xuyên theo dõi và phối hợp với các ngành chức năng nhằm hỗ trợ HTX phát triển bền vững, hiệu quả (Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho ban quản lý, thành viên HTX; phối hợp đào tạo nghề cho các thành viên HTX; kết nối để HTX tiếp cận nguồn tài chính, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu…; nghiên cứu, giám sát việc thực hiện HTX).

## III. HỖ TRỢ PHỤ NỮ KHỞI NGHIỆP, HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP DO NỮ LÀM CHỦ

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” (Đề án 939), mở rộng kết nối, khuyến khích ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Liên kết với các cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, trong đó, tập trung ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ tham gia thương mại điện tử, tham gia chuỗi giá trị. Phát huy vai trò, thế mạnh và tăng cường phối hợp giữa hiệp hội, hội, câu lạc bộ nữ doanh nhân với tổ chức Hội các cấp trong hoạt động phát triển kinh tế. Hỗ trợ xây dựng, thành lập và phát triển các câu lạc bộ, hội nữ doanh nhân.

### 2. Điểm mới

- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ chuyển đổi số, ứng dụng thương mại điện tử trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, bắt kịp với nhu cầu và xu thế của hội nhập kinh tế quốc tế.

- Nâng cao năng lực chuyển đổi số cho phụ nữ là các chủ hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp tiếp cận, ứng dụng công nghệ số, kinh tế số theo chỉ tiêu Nghị quyết; đề xuất các giải pháp hỗ trợ phụ nữ tham gia vào kinh tế số.

- Thực hiện nội dung 03 “Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” trong nội dung thành phần số 09 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (CTMTQG nông thôn mới) được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

### *3.1. Cấp Trung ương*

- Ban hành các văn bản, chỉ đạo hướng dẫn các tỉnh, thành Hội tiếp tục phát huy các điểm mạnh đã đạt được trong 05 năm thực hiện Đề án 939 vừa qua, đồng thời đề ra các nội dung, giải pháp nhằm khắc phục các hạn chế, khó khăn tồn tại.

- Hướng dẫn nâng cao nhận thức, kỹ năng, năng lực tổ chức triển khai các hoạt động Đề án với nhiều hình thức phong phú đa dạng có ứng dụng công nghệ số phù hợp nhu cầu với từng nhóm đối tượng, quan tâm các đối tượng phụ nữ thuộc vùng dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc địa bàn nghèo, phụ nữ yếu thế.

- Tiếp tục nghiên cứu tổ chức Cuộc thi/Ngày Phụ nữ khởi nghiệp cấp vùng miền, cấp toàn quốc nhằm biểu dương, tôn vinh các cá nhân, tập thể có nhiều sáng tạo trong việc triển khai thực hiện Đề án và các tấm gương phụ nữ khởi nghiệp thành công, tập trung các lĩnh vực đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ; phát triển các ý tưởng, đề án mang tính xã hội, đóng góp giải quyết các vấn đề xã hội và trở thành những doanh nghiệp xanh, bền vững. Xây dựng và trình Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026 - 2035”.

- Hướng dẫn các cấp Hội triển khai có hiệu quả nội dung 03 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025” trong nội dung thành phần số 09 thuộc Chương trình MTQG nông thôn mới

- Nâng cao năng lực hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp thông qua thiết lập cơ sở hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp của các cấp Hội, bao gồm: Triển khai các hoạt động xây dựng mạng lưới cố vấn khởi nghiệp, chương trình kết nối gọi vốn từ nhà đầu tư, chuyển giao công nghệ, xúc tiến thị trường tại các cấp Hội nhằm tạo ra được hệ sinh thái khởi nghiệp đầy đủ các thành phần cho phụ nữ khởi nghiệp.

- Tăng cường công tác phối hợp với các Bộ, ngành (Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Thương mại điện tử…) tăng cường nguồn lực trong việc tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp nữ mới thành lập, bao gồm: Đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị kinh doanh, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong các doanh nghiệp do nữ làm chủ; đẩy mạnh kết nối đầu tư, xúc tiến thương mại, tiếp cận tín dụng...; tập trung các doanh nghiệp nhỏ và cực nhỏ, doanh nghiệp do nhóm phụ nữ khó khăn làm chủ, doanh nghiệp tạo việc làm cho phụ nữ khó khăn, yếu thế.

- Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam mở rộng mạng lưới nữ doanh nhân; tổ chức các hoạt động nhằm phát huy vai trò, thế mạnh của nữ doanh nhân trong phát triển kinh tế, các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ, doanh nghiệp nữ khởi nghiệp nhằm cũng cố, phát triển hệ sinh thái hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động và hướng dẫn các cấp Hội thực hiện nghiên cứu, đề xuất chính sách, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp, phương án thí điểm chính sách đột phá tạo động lực, khuyến khích phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh mang tính đặc thù.

- Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án hàng năm tại địa phương, cơ sở. Tổ chức và hướng dẫn các cấp Hội thực hiện các hoạt động đánh giá, tổng kết Đề án vào cuối giai đoạn thực hiện Đề án.

### *3.2. Cấp địa phương*

- Cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo các nội dung hoạt động triển khai Đề án phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu của phụ nữ trong tình hình mới. Làm tốt công tác khảo sát, đánh giá, phát hiện nhu cầu khởi nghiệp của phụ nữ, tập trung phụ nữ thuộc vùng khó khăn, vùng nghèo, phụ nữ yếu thế, phụ nữ dân tộc thiểu số... nhằm kịp thời có các hoạt động hỗ trợ, giúp chị em mạnh dạn, tự tin khởi nghiệp, vươn lên thoát nghèo.

- Chủ động, từng bước tham gia xây dựng các cấu phần đầy đủ của hệ sinh thái khởi nghiệp, chú trọng xây dựng mạng lưới cố vấn khởi nghiệp từ chính các doanh nhân nữ tại địa phương và các chương trình kết nối gọi vốn từ nhà đầu tư, chuyển giao công nghệ và xúc tiến thị trường.

- Hội LHPN các tỉnh, thành tiếp tục chủ động làm việc với chính quyền, các ban ngành để được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án 939 và thực hiện các nội dung nhiệm vụ được giao tại Chương trình MTQG nông thôn mới; đồng thời, tiếp tục tăng cường huy động nguồn lực từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện Đề án.

- Tiếp tục tổ chức Ngày hội phụ nữ khởi nghiệp/Cuộc thi phụ nữ khởi nghiệp tại địa phương hàng năm.

- Chủ động phối hợp với các sở ngành chức năng tổ chức hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ giải pháp thực hiện Đề án 939 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện triển khai các hoạt động và công tác phối hợp nhằm kịp thời rút kinh nghiệm, có các giải pháp, đề xuất điều chỉnh kịp thời, tăng hiệu quả triển khai Đề án tại địa phương.

- Mở rộng kết nối với các nữ doanh nhân, mạng lưới doanh nghiệp do nữ làm chủ trong các hoạt động phát triển kinh tế, khởi nghiệp sáng tạo, kết nối tiêu thụ sản phẩm và tham gia hoạt động cố vấn cho phụ nữ khởi nghiệp.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu, giám sát phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; thực hiện có hiệu quả các hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ và tổ chức tốt việc đánh giá Đề án vào cuối giai đoạn.

## IV. HỖ TRỢ PHỤ NỮ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Tuyên truyền vận động phụ nữ phát huy nội lực, hỗ trợ, giúp nhau giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của phụ nữ và ưu tiên phát triển của địa phương, tập trung hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Gắn với thực hiện Tiêu chí “Không đói nghèo” trong cuộc vận động ‘Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

### 2. Điểm mới

- Phát triển các dự án mô hình giảm nghèo liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững*.*

- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và dự án có trên 50% lao động nữ thuộc Chương trình MTQG Dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng các hoạt động phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình; hoạt động giúp phụ nữ thoát nghèo đa chiều có địa chỉ, tập trung các vùng có tỉ lệ hộ nghèo cao thông qua triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ việc làm bền vững, hướng dẫn kỹ năng quản lý kinh tế hộ gia đình và tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội, tập trung cho các địa bàn dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo đa chiều, chú trọng vận động, hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận các chương trình hỗ trợ về nhà ở, nước sạch, giáo dục, thông tin. Phối hợp với chính quyền địa phương và các ngành chức năng khôi phục/duy trì/phát triển nghề truyền thống phù hợp với lao động nữ nhằm tạo việc làm tại chỗ một cách bền vững.

- Chú trọng đề xuất, tạo cơ hội gắn kết hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ trong các chương trình, dự án sinh kế của địa phương, mô hình kinh tế hộ, kinh tế tập thể; kết nối doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh thu hút lao động từ hộ nghèo; chú trọng hỗ trợ xây dựng các mô hình giúp phụ nữ nghèo vùng dân tộc thiểu số thoát nghèo theo hướng phát triển sản phẩm bản địa (mỗi địa phương 1 sản phẩm), kết nối với du lịch, tiêu thụ sản phẩm.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

### *3.1. Cấp Trung ương*

- Nghiên cứu lồng ghép các nguồn lực đổi mới các hình thức truyền thông có ứng dụng công nghệ thông tin, nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo, mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dạy nghề, khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, hợp tác xã kiểu mới, giảm nghèo, bảo vệ môi trường, phòng chống rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; tuyên truyền, vận động phát huy nội lực, ý chí vươn lên của phụ nữ và cộng đồng, giúp nhau vượt qua khó khăn, giảm nghèo, mạnh dạn học nghề, lập nghiệp, khởi nghiệp, tích cực tham gia phát triển HTX, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

- Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện có hiệu quả hoạt động hỗ trợ xây dựng/phát triển dự án mô hình giảm nghèo liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững tại các cấp Hội theo quy định.

- Phối hợp với các bộ, ban, ngành hỗ trợ phát triển các mô hình giảm nghèo bền vững thông qua các hoạt động hỗ trợ vay vốn, tăng các nguồn lực đầu tư khác cho mô hình tập trung: xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, kết nối cung cầu sản phẩm...

- Tăng cường đề xuất chính sách, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo.

- Khích lệ, động viên tinh thần thực hành tiết kiệm, hợp tác, tương thân tương ái trong chị em phụ nữ và cộng đồng thông qua việc tích cực thực hiện các hoạt động giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng “Mái ấm tình thương”.

### *3.2. Cấp địa phương*

- Chủ động rà soát, đánh giá tham mưu và xây dựng các mô hình giúp thoát nghèo bền vững tại từng địa bàn theo hướng khuyến khích, tạo cơ hội cho phụ nữ nghèo tham gia các mô hình liên kết gắn với chuỗi giá trị phù hợp và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; tăng cường liên kết giữa người dân và doanh nghiệp, ngân hàng, nhà khoa học, chính quyền địa phương trong hỗ trợ phát triển sản xuất và chế biến, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và có phương án giải quyết rủi ro trong quá trình thực hiện mô hình.

- Lựa chọn các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi để hỗ trợ thực hiện, nhân rộng.

- Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hỗ trợ giải quyết các khó khăn trong quá trình thực hiện mô hình. Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, ban/ngành tập trung nguồn lực hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cho phụ nữ theo hướng phát triển bền vững, mở rộng và phát triển quy mô sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

## V. HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ, TẠO VIỆC LÀM CHO PHỤ NỮ

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Phối hợp, mở rộng liên kết đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm theo nhu cầu của thị trường lao động, tập trung hỗ trợ các nhóm lao động nữ chuyển đổi nghề nghiệp do quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới công nghệ và tác động của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường Trung cấp Lê Thị Riêng và chức năng dạy nghề của các Trung tâm Vì sự phát triển phụ nữ khu vực và một số tỉnh.

### 2. Điểm mới

- Thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi Tiểu dự án 1 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” trong Dự án 4 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện nội dung số 09 “tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường” trong nội dung thành phần số 03 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Chương trình MTQG nông thôn mới) được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện các nội dung trong phân công tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-200, tầm nhìn đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

### 3. Các giải pháp chủ yếu

### *3.1. Cấp Trung ương*

- Ban hành các kế hoạch, hướng dẫn Hội phụ nữ các tỉnh, thành phố thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao theo Chương trình MTQG giảm nghèo và Chương trình MTQG nông thôn mới; lồng ghép các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động nữ theo Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động khảo sát nhu cầu về đào tạo nghề của phụ nữ thuộc đối tượng của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; tổ chức các hoạt động truyền thông, hội thảo, diễn đàn… nhằm nâng cao nhận thức tầm quan trọng và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhằm khuyến khích phụ nữ tích cực học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, có việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

- Chỉ đạo, hỗ trợ các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng, cải tiến hoạt động của trường Trung cấp Lê Thị Riêng đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

- Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, giám sát, phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp. Thực hiện các hoạt động báo cáo, tổng kết các chương trình, đề án liên quan đến đào tạo nghề, tạo việc làm cho phụ nữ theo yêu cầu của chính phủ, các bộ, ngành và đề xuất các chính sách liên quan đến đào tạo nghề cho lao động nữ trong tình hình mới.

- Hỗ trợ các lớp đào tạo nghề, gắn với có việc làm sau đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu thực tế của phụ nữ tại một số địa bàn; trên cơ sở đó tổng kết, rút kinh nghiệm, định hướng và nhân rộng tại các địa phương.

### *3.2. Cấp địa phương*

- Cụ thể hóa các nội dung theo kế hoạch, chỉ đạo của Trung ương Hội vào các chương trình, kế hoạch hoạt động của các cấp Hội gắn với điều kiện, tình hình thực tiễn của địa phương hàng năm.

- Vận dụng sáng tạo, tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành tại địa phương lồng ghép các nguồn lực trong triển khai thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức cho phụ nữ về đào tạo nghề tích cực tham gia đào tạo nghề trong đó chú trọng phát triển các mô hình kinh tế tập thể do nữ quản lý, nắm bắt nhu cầu đào tạo nghề của phụ nữ, giới thiệu, khuyến khích phụ nữ tham gia học nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nữ sau đào tạo nghề.

- Tập trung chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp/các đơn vị có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp thuộc quyền quản lý của Hội LHPN tỉnh nâng cao hiệu quả hoạt động; tranh thủ nguồn lực từ các chương trình, đề án, nguồn xã hội hóa để củng cố, phát triển toàn diện năng lực hoạt động của các tổ chức này; tổ chức sắp xếp bộ máy, hoạt động của các đơn vị này đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước về tổ chức hoạt động, bộ máy và nguồn tài chính tự chủ.

- Chủ động đề xuất, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung về giáo dục nghề nghiệp trong phạm vi Tiểu dự án 1 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” trong Dự án 4 thuộc CTMTQG giảm nghèo; nội dung số 09 “tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường” trong nội dung thành phần số 03 thuộc CTMTQG nông thôn mới và thực hiện các nội dung trong phân công tổ chức thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Thủ tướng Chính phủ.

## VI. HOẠT ĐỘNG PHỤ NỮ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN

### 1. Nội dung nhiệm vụ

- Triển khai có chất lượng Kế hoạch 961/KH-ĐCT của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trong hệ thống Hội, trọng tâm là giáo dục tài chính; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ tài chính cơ bản (tín dụng, tiết kiệm, thanh toán, bảo hiểm) cho phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ khó khăn sống ở vùng sâu, vùng xa; phát triển bền vững các chương trình tài chính vi mô trong hệ thống Hội hoạt động chuyên nghiệp, theo quy định của pháp luật; góp phần hạn chế tín dụng đen.

- Tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội LHPN Việt Nam trong thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội. Nâng cao chất lượng và mở rộng hợp tác, tăng dư nợ quản lý ủy thác tín dụng từ nguồn Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, một số ngân hàng thương mại khác nhằm hỗ trợ phụ nữ tăng cơ hội tiếp cận tín dụng chính thức từ các tổ chức tài chính chính thức. Duy trì thành tích là tổ chức đạt “6 nhất” trong hoạt động ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội.

### 2. Điểm mới

- Chuyển từ triển khai hoạt động trong phạm vi các chương trình tiết kiệm, tín dụng, tài chính vi mô; mở rộng sang tài chính toàn diện nhằm giúp phụ nữ nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính, tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu, với chi phí hợp lý, do các tổ chức được cấp phép cung ứng một cách có trách nhiệm và bền vững.

## 3. Các giải pháp chủ yếu

### *3.1. Cấp trung ương*

- Chỉ đạo, hướng dẫn Hội LHPN các tỉnh thành triển khai Kế hoạch 961/KH-ĐCT về việc “*Thực hiện* *Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"*. Trong đó chú trọng các giải pháp:

+ Giáo dục tài chính, nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính và khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách hiệu quả, hợp lý, an toàn cho hội viên, phụ nữ

+ Mở rộng kết nối, hợp tác của Hội LHPN Việt Nam với các Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính tín dụng, bảo hiểm được cấp phép khác.

+ Nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình dự án tài chính vi mô của Hội LHPN Việt Nam ở các cấp hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững theo đúng các qui định của pháp luật.

+ Nâng cao vai trò, năng lực của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong tham gia chủ động, có trách nhiệm trong việc thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình phối hợp số 06/CTPH-NHNN-TWHLHPNVN ngày 06/3/2023 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2023 - 2027 nhằm triển khai có hiệu quả việc thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia và mục tiêu bình đẳng giới cho phụ nữ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, góp phần nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ và thực hiện bình đẳng giới, góp phần hạn chế tín dụng đen.

**-** Đẩy mạnh hoạt động giáo dục tài chính, tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao hiểu biết, năng lực tài chính và khả năng tiếp cận và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách hiệu quả, hợp lý, an toàn cho hội viên, phụ nữ.

- Mở rộng kết nối, hợp tác với các tổ chức cung ứng dịch vụ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số của phụ nữ trong tiếp cận các dịch vụ tài chính, tiết kiệm, hướng tới giảm sử dụng tiền mặt.

- Mở rộng kết nối, hợp tác với các Ngân hàng Chính sách Xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính tín dụng, bảo hiểm được cấp phép khác.

- Hỗ trợ, hướng dẫn nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình dự án tài chính vi mô của Hội LHPN Việt Nam ở các cấp hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững theo đúng các qui định của pháp luật.

***3.2. Cấp địa phương***

- Chủ động xây dựng kế hoạch, các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia, Kế hoạch 961/KH-ĐCT của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia; theo dõi và chủ động tham gia, tham mưu Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các ngành liên quan… trong các hoạt động thúc đẩy tài chính toàn diện tại địa phương.

- Chủ động, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh tổ chức, triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Chương trình phối hợp giữa 2 ngành.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho hội viên phụ nữ về giáo dục tài chính.

- Đẩy mạnh kiểm tra, hướng dẫn các mô hình, hoạt động tín dụng, tiết kiệm của phụ nữ đảm bảo đúng quy định của pháp luật; có giải pháp chấn chỉnh kịp thời những trường hợp mô hình chưa theo đúng qui định của pháp luật và hướng dẫn của Hội; kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và ngành chức năng khi phát hiện những trường hợp cố tình làm sai hướng dẫn và các qui định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách và tín dụng phát triển nông nghiệp nông thôn; mở rộng liên kết, phối hợp với các tổ chức cung ứng dịch vụ tài chính có cấp phép khác (Ngân hàng, Công ty bảo hiểm…). Mở rộng kết nối, hợp tác với các tổ chức tài chính được cấp phép, tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận các nguồn tín dụng chính thức để phát triển kinh tế và cải thiện điều kiện sống, góp phần đẩy lùi tín dụng đen.

- Hội LHPN các tỉnh, thành có chương trình tài chính vi mô hướng dẫn, hỗ trợ, nâng cấp, phát triển các tổ chức, chương trình TCVM hoạt động chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, bền vững, đăng ký thành lập Tổ chức tài chính vi mô theo đúng các qui định của pháp luật. Đào tạo, hướng dẫn, nâng cao năng lực nhân sự. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đa dạng hoá các sản phẩm, dịch vụ. Nghiên cứu, phát triển sản phẩm, cải tiến dịch vụ.

- Tổ chức triển khai có chất lượng, hiệu quả các mô hình thay đổi “nếp nghĩ cách làm” nâng cao quyền năng kinh tế, thúc đẩy bình đẳng giới và trong phạm vi Dự án 8 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tăng cường tiếp cận các định chế tài chính chính thức, mô hình sinh kế, lồng ghép giới; hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ dân tộc thiểu số.

## \* Một số giải pháp chung

### *- Tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức*

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, kênh truyền thông của Hội về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về dạy nghề, khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, hợp tác xã; vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế để phụ nữ hiểu đúng, hiểu rõ, thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới gắn với sản xuất sạch và bảo vệ môi trường.

+ Vận động phát huy nội lực, ý chí vươn lên của phụ nữ và cộng đồng, giúp nhau vượt qua khó khăn, giảm nghèo, mạnh dạn học nghề, lập nghiệp, khởi nghiệp, tích cực tham gia phát triển HTX, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp.

+ Khích lệ, động viên tinh thần thực hành tiết kiệm, hợp tác, tương thân tương ái trong chị em phụ nữ và cộng đồng thông qua việc tích cực thực hiện các hoạt động giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

+ Chú trọng phát hiện, tuyên truyền, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến; nhân rộng mô hình hiệu quả, cách làm hay trong phát triển kinh tế, khởi nghiệp, phát triển HTX, doanh nghiệp; chú trọng các nhân tố điển hình là phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ nông thôn, phụ nữ tôn giáo, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

### *- Nghiên cứu, giám sát và đề xuất chính sách, tổng kết đánh giá*

+ Tiếp tục giám sát, đề xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ, tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

+ Nghiên cứu, đánh giá, nhân rộng mô hình HTX, tổ hợp tác hiệu quả.

+ Đề xuất và thực hiện đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2022 - 2030.

+ Nghiên cứu nội dung hỗ trợ phụ nữ tham gia nền kinh tế số trong Đề án chuyển đổi số trong hệ thống Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030.

+ Chương trình hỗ trợ một triệu phụ nữ nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận Chính phủ điện tử và nền kinh tế số.

+ Đánh giá kết quả thực hiện Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và nghiên cứu đề xuất nội dung cho giai đoạn tới.

+ Cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động của Hội LHPN các cấp trong hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ, hợp tác xã do phụ nữ quản lý, các kết quả hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững trong hệ thống Hội.

### *- Nâng cao năng lực tổ chức và đội ngũ cán bộ Hội*

+ Tổ chức các lớp tập huấn nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ Hội các cấp trong hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo các cấp.

+ Đưa nội dung giáo dục tài chính toàn diện; kỹ năng hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế hợp tác, HTX vào các tài liệu tập huấn của các cấp Hội; Học viện Phụ nữ Việt Nam tham gia tập huấn cán bộ Hội các cấp về công tác hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo, thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia.

### *- Công tác phối hợp, vận động nguồn lực*

+ Đẩy mạnh hoạt động thành lập mạng lưới chuyên gia tư vấn, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển HTX;

+ Kết nối các sàn giao dịch thương mại điện tử/kênh/chợ mua sắm online, chuỗi bán buôn/bán lẻ…để quảng bá, giới thiệu sản phẩm của phụ nữ khởi nghiệp, doanh nghiệp nữ, HTX do nữ làm chủ; tổ chức các hội chợ giới thiệu sản phẩm (trực tiếp, trực tuyến); thành lập các điểm bán, giới thiệu sản phẩm tại các tỉnh/thành để kết nối, tiêu thụ sản phẩm cho phụ nữ. Tổ chức các hội nghị, diễn đàn kết nối, liên kết giữa doanh nghiệp nữ, HTX do phụ nữ tham gia quản lý với các doanh nghiệp và nhà phân phối; ứng dụng khoa học công nghệ; tìm kiếm đầu ra và kết nối cung cầu, phát triển hệ thống phân phối.

+ Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức tín dụng hỗ trợ phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tài chính đa dạng; tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động ủy thác, tín chấp; thí điểm, đẩy mạnh hợp tác với các Ngân hàng hỗ trợ tiếp cận tín dụng cho các nhóm liên kết, tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ.

+ Tiếp tục tăng cường vận động nguồn lực từ ngân sách nhà nước bằng cách chủ động nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các hoạt động, đề án và tham gia các Chương trình mục tiêu quốc gia phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đáp ứng được nhu cầu của hội viên, phụ nữ.

+ Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp có uy tín, các doanh nghiệp xã hội phù hợp với sứ mệnh, nhiệm vụ của tổ chức Hội, nhu cầu hội viên, phụ nữ các vùng, miền; xây dựng các thỏa thuận hợp tác với các doanh nghiệp để khai thác nguồn trách nhiệm xã hội cho các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế.

+ Mở rộng quan hệ phối hợp với các tổ chức trong nước, quốc tế để tập trung nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

# DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC CÓ LIÊN QUAN, CÁC CHỈ ĐẠO CỦA HỘI VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

**I. CÁC VĂN BẢN CHUNG**

**1. Các văn bản của Đảng, Nhà nước**

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

- Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;  Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (trong đó có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do Hội chủ trì).

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1 năm 2021-2025.

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

**2. Các văn bản của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam**

- Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII.

- Kế hoạch số 03-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 19 - NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Quyết định số 275/QĐ-ĐCT ngày 10/6/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025.

- Quyết định số 358/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn T: Từ năm 2021 - 2025.

- Quyết định số 359/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam ban hành quy chế làm việc của Ban điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021-2025.

- Kế hoạch số 967/KH-HLHPN-BTLBP ngày 28/12/2020 giữa Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng về tổ chức Chương trình Đồng hành cùng phụ nữ biên cương giai đoạn 2021 - 2025.

- Hướng dẫn số 02/HD-ĐCT ngày 06/7/2012 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giai đoạn 2021 - 2025.

- Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về Hướng dẫn triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025.

**II. CÁC VĂN BẢN THEO CHUYÊN ĐỀ**

## 1. Công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thể, hợp tác xã

### *1.1. Các văn bản*

***1.1.1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ***

- Nghị quyết số 20/NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Luật Hợp tác xã năm 2023; Luật Bảo vệ môi trường 2014; Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật giáo dục nghề nghiệp số 43/2019/QH14;

- Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***1.1.2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam***

- Kế hoạch số 04-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Kế hoạch số 03-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 19 - NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 235/KH-ĐCT ngày 21/3/2023 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030”;

- Quyết định số 1663/QĐ-ĐCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban Điều hành và Tổ giúp việc Ban Điều hành Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” cấp trung ương;

- Quyết định số 2231/QĐ-ĐCT ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam ban hành quy chế làm việc của Ban điều hành và Tổ giúp việc Ban điều hành Đề án “Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030” cấp Trung ương;

- Hướng dẫn số 02/HD-ĐCT ngày 06/7/2012 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giai đoạn 2021 - 2025.

### *1.2. Một số nội dung cần lưu ý liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia kinh tế tập thế, HTX do phụ nữ tham gia quản lý*

Tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, trong đó nêu rõ "*Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp* *tác xã là nòng cốt"* .

Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp số 13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đã thể hiện tư duy mới về mô hình HTX kiểu mới với hạt nhân là kinh tế hợp tác, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Luật HTX năm 2012 với những quy định cụ thể hơn và xác định mô hình HTX theo đúng với bản chất HTX và phù hợp với quan điểm quốc tế.

Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã nêu rõ *“Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi, tạo môi trường thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển; phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả; thúc đẩy và nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết có hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp*”.

Trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn cũng được Đảng nhấn mạnh và nêu rõ, trong đó có những nội dung quan trọng như: *Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các hợp tác xã, tổ hợp tác có vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các hiệp hội, liên hiệp hợp tác xã”;* Văn kiện Đại hội Đảng cũng đề cập đến việc khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp số, thích ứng với biến đổi khí hậu; tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với quá trình đô thị hóa, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và xây dựng nông thôn mới cấp thôn, bản;

Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 – 2030 đặt ra chỉ tiêu 3: *Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.*

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025: Nội dung 05 trong nội dung thành phần số 03 nêu rõ *nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá tr*ị;

Quyết định số *1804*/QĐ-TTg ngày 13/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 – 2025 đã nêu rõ *mục tiêu đến năm 2025 thành lập 10.000 tổ chức kinh tế tập thể (bao hồm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác); thu hút khoảng 8 triệu thành viên tham gia vào các tổ chức kinh tế tập thể*.

Năm 2020, thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ trong đó đặt ra giải pháp “Xây dựng, triển khai một số chương trình, đề án điển hình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã” bao gồm ***“ Đề án hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021-2030”***.

Quyết định 1318/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 phê duyệt "Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025" đặt ra Định hướng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong các lĩnh vực khác, trong đó “*Tiếp tục thành lập các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để cung cấp các dịch vụ đời sống cho người dân như: y tế, chăm sóc sức khỏe; giáo dục; du lịch... và các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh, đồng bào dân tộc làm chủ”.*

Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 phê duyệt đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025, trong đó ưu tiên “*Các hợp tác xã có đông thành viên là nữ hoặc phụ nữ tham gia quản lý; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo việc làm, hỗ trợ cho người yếu thế…”;*

Nghị *định* số [45/2021/NĐ-CP](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=202983) về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã quy định: *đối tượng cho vay của Quỹ hợp tác xã là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp).*

Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 -2030, trong đó một trong những giải *pháp* đặt ra đó là giao TW Hội LHPN VN “*Xây dựng Đề án Hỗ trợ hợp tác xã phụ nữ tham gia quản lý và tạo việc làm cho lao động nữ giai đoạn 2021 - 2030”.*

Các chương trình, nghị quyết liên tịch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của Hội LHPNVN: Thỏa thuận liên ngành với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. *Điều 14 đã nêu rõ các Chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết cho doanh nghiệp, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.*

Văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra chỉ tiêu cho nhiệm kỳ này là hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh; đến cuối nhiệm kỳ, vận động, *hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý.*

## 2. Công tác hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp do nữ làm chủ

### *2.1. Các văn bản*

***2.1.1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ***

- Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

- Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số giải pháp, chính sách trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025;

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

***2.1.2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam***

- Kế hoạch số 03-KH/ĐĐ ngày 04/10/2022 của Đảng Đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 19 - NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Hướng dẫn số 09/HD-ĐCT ngày 30/6/2017 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”;

- Hướng dẫn số 02/HD-ĐCT ngày 06/7/2012 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì giai đoạn 2021 - 2025.

### *2.2. Một số nội dung cần lưu ý liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp*

*\* Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII*

- Nội dung “Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030”, đã nhấn mạnh tại nội dung số 2:

+ *...đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.*

- Nội dung “Nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII”, đã đề ra tại nội dung số 2: *(2) Tập trung kiểm soát đại dịch COVID-19, tiêm chủng đại trà vắc-xin COVID-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.*

*- Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.*

+ Chương I “Mục tiêu” Nghị quyết, mục 2 “Mục tiêu cụ thể”, khoản b “Trong lĩnh vực kinh tế, lao động”, Chỉ tiêu 3 đã đặt ra: *“Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.”*

*\* Luật doanh nghiệp nhỏ và vừa 2018 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.*

- Mục 1 Điều 3. Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã thêm Giải thích từ ngữ về Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ: *1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ là doanh nghiệp nhỏ và vừa có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó.*

- Khoản 5 Điều 5 ưu tiên lựa chọn hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa do nữ làm chủ (***Nguyên tắc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa)***

*5. Trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.*

*Trường hợp nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định của Luật này thì ưu tiên lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nhiều lao động nữ hơn.*

\* Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”

*\* Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.*

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”, **Nội dung thành phần số 03** “Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững” đã đề cập đến nội dung 09 như sau:

Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn. Trong đó, các tổ chức chính trị - xã hội (Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...) chủ trì và hướng dẫn triển khai Chương trình sáng tạo, khởi nghiệp gắn với Chương trình OCOP và phát triển hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn.

- Chương III “Các nội dung thành phần của Chương trình”,**Nội dung thành phần số 09** “Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM” đã đề cập đến nội dung 03 như sau:

Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”. Trong đó Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì, hướng dẫn thực hiện nội dung số 03.

- Chương V “Các cơ chế và giải pháp thực hiện chương trình”, Mục c “Một số giải pháp trọng tâm thực hiện” nhấn mạnh: *c) Chỉ đạo, phối hợp thực hiện hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân nông thôn và giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM (môi trường, an toàn thực phẩm, nước sạch nông thôn, phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP; chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn...).*

*\* Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.*

- Chương I “Quan điểm”, mục 6 trong Quyết định đã nhấn mạnh: *Tăng trưởng xanh là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị, toàn dân, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan, tổ chức liên quan, được thúc đẩy bằng tinh thần đổi mới sáng tạo và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, bền vững.*

- Chương IV “Nhiệm vụ, giải pháp” trong Quyết định đã đề cập: *Để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển mà Chiến lược đề ra, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, phân công các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp.*

*\* Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".*

Chương VI. Một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số “Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.” đã đề cập tại Mục 1 “Phát triển 04 loại hình doanh nghiệp công nghệ số”, bao gồm: *c) Các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội; d) Các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số.*

## 3. Công tác hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững

### *3.1. Các văn bản*

***3.1.1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ***

- Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;

- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

***3.1.2. Văn bản của Hội LHPN Việt Nam***

- Kế hoạch số 117/KH-ĐCT ngày 22/9/2021 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 và thực hiện Kết luận 06-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW;

### *3.2. Một số nội dung cần lưu ý liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ giảm nghèo bền vững*

*\* Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc XIII*

- Khoản 2, Mục I. Tầm nhìn và định hướng phát triển:Định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025: Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

*\* Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025*

**-** Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Mục c. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

- Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp:Nội dung: Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng; Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin: Tiểu dự án 2. Truyền thông vè giảm nghèo đa chiều: Nội dung: Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo; Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; Phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

+ Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình: Nội dung: Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn; Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

+ Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá: Nội dung: Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện; Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

*\* Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025*

- Dự án 3. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

*\* Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030;*

Mục 6.Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đẩy mạnh công tác vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia công tác giảm nghèo bền vững và chủ động giám sát công tác này. Tiếp tục tổ chức các cuộc vận động xã hội, phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là cuộc vận động "Vì người nghèo", cùng với Nhà nước thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững.

## 4. Công tác hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm cho phụ nữ

### *4.1. Các văn bản*

***4.1.1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ***

- Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 4/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới;

- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

***4.1.2. Văn bản chỉ đạo của Hội LHPN Việt Nam***

- Kế hoạch số 14-KH/ĐĐ ngày 09/6/2023 của Đảng Đoàn Hội LHPN Việt Nam thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12/12/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới.

### *4.2. Một số nội dung cần lưu ý liên quan đến công tác hỗ trợ phụ nữ tham gia đào tạo nghề, tạo việc làm*

*\* Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045:*

Khoản 12, Điều V: “Tuyên truyền, phổ biến đến hội viên về nội dung Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Hàng năm, đề xuất yêu cầu, nhu cầu về nhân lực có kỹ năng nghề đối với các loại hình doanh nghiệp; Huy động thành viên tích cực triển khai thực hiện chiến lược, tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tham gia các chương trình, đề án, dự án phù hợp với định hướng Chiến lược; Kêu gọi cộng đồng doanh nghiệp, người sử dụng lao động tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động; Giám sát các hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tư vấn và phản biện xã hội đối với các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp”.

*\* Quyết định số 2222/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030:*

Khoản 6 Điều IV: “Các bộ, ngành và cơ quan có liên quan: Căn cứ nội dung Chương trình cụ thể hóa, bố trí kinh phí thực hiện trong các chương trình, kế hoạch triển khai hàng năm; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý triển khai các nội dung liên quan của Chương trình theo đúng quy định; Theo chức năng, nhiệm vụ, chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nội dung của Chương trình; Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện đúng mục tiêu Chương trình, gửi Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ”.

*\* Quyết định số 270/QĐ-TCGDNN ngày 18/6/2021 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc Xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp, hình thành hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2025:*

Mục 3, Phần III: “Khuyến khích các cư sở giáo dục nghề nghiệp cùng phối hợp, liên kết tổ chức các hoạt động, sự kiện về giáo dục nghề nghiệp, kết hợp với xây dựng và phát triển không gian truyền thông giáo dục nghề nghiệp”.

*\* Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:*

Nội dung 09 - Nội dung thành phần số 03: “Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn”.

## 5. Công tác hỗ trợ phụ nữ thực hiện chiến lược tài chính toàn diện

### *5.1. Các văn bản*

***5.1.1. Các văn bản của Đảng, Chính phủ***

- Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội; Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (trong đó có Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em do Hội chủ trì);

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn 1 từ năm 2021 – 2025;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường;

- Thông tư số 01/2022/TT-UBDT ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Dân tộc về quy định quy trình giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn 1 năm 2021-2025;

- Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

***5.1.2. Các văn bản của Hội LHPN Việt Nam***

- Văn bản thỏa thuận số 11789/VBTT ngày 28/12/2021 giữa Ngân hàng Chính sách xã hội và các Hội đoàn thể về việc thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản thỏa thuận số 02/TTLT-HLHPNVN-AGRIBANK ngày 23/9/2022 giữa Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

- Kế hoạch số 961/KH-ĐCT ngày 08/12/2020 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về tổ chức thực hiện Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 275/QĐ-ĐCT ngày 10/6/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc phân công nhiệm vụ thực hiện Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 – 2025;

- Quyết định số 358/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam về việc thành lập Ban điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn T: Từ năm 2021 – 2025;

- Quyết định số 359/QĐ-ĐCT ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Đoàn chủ tịch Hội LHPN Việt Nam ban hành quy chế làm việc của Ban điều hành Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; giai đoạn I: Từ năm 2021-2025;

- Chương trình phối hợp số 06/CTPH-NHNN-TWHLHPNVN ngày 06/3/2023 giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2023 – 2027;

- Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về Hướng dẫn triển khai Dự án 8 “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025.

### *5.2. Một số nội dung cần lưu ý liên quan đến công tác tài chính toàn diện*

*\* Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư ngày 22/11/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng Chính sách xã hội;*

Mục 2- "Nâng cao trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với công tác này.

- Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác của Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội và chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; lồng ghép với các chương trình, dự án của các tổ chức chính trị - xã hội. Làm tốt công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh điển hình, giúp nhau vươn lên thoát nghèo và làm giàu."

*\* Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;*

- Mục 4. "...Chỉ đạo các ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội".

- Mục 6. " Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Thực hiện tốt công tác nhận uỷ thác của Ngân hàng Chính sách xã hội, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục triển khai, mở rộng cuộc vận động vì người nghèo nhằm bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội".

*\* Chỉ thị 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030.*

Mục 3. "Tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện, tăng cường tín dụng chính sách xã hội cho người nghèo, bảo trợ xã hội đối với hộ nghèo không có khả năng lao động. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, phát triển đa dạng các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi".

*\* Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác:*

Điều 5. "Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến Người vay”. Việc cho vay đối với hộ nghèo căn cứ vào kết quả bình xét của Tổ tiết kiệm và vay vốn. Tổ tiết kiệm và vay vốn là tổ chức do các tổ chức chính trị - xã hội hoặc cộng đồng dân cư tự nguyện thành lập trên địa bàn hành chính của xã, được ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận bằng văn bản. Hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn"

*\* Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu phường:*

- Về hoạt động tiết kiệm theo hình thức "Tổ góp vốn xoay vòng" tại các chi, tổ Hội bản chất là họ, hụi, biêu phường được yêu cầu thực hiện đúng theo các quy định tại Nghị định 19 với phạm vi điều chỉnh quy định về nguyên tắc tổ chức họ, hụi, biêu, phường (gọi chung là họ); điều kiện làm thành viên, chủ họ; gia nhập, rút khỏi họ; văn bản thỏa thuận về họ; thứ tự lĩnh họ, lãi suất; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của thành viên, chủ họ.

- Văn bản thỏa thuận về họ phải được thực hiện tại các "Tổ góp vốn xoay vòng" tại điều 7 và điều 8 của Nghị định./.

1. Oxfam (2017), Oxfam’s Conceptual Framework on Women's Economic Empowerment (Khung khái niệm về Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ). [↑](#footnote-ref-1)
2. Oxfam (2017), Oxfam’s Conceptual Framework on Women's Economic Empowerment (Khung khái niệm về Nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ). [↑](#footnote-ref-2)